

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/DS-ST.

Ngày: 12-5-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chân

2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 248/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 15/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số A đường N, phường B, quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh T – Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A

Người đại diện theo ủy quyền: bà Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc Phòng quản lý nợ

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đào Ngọc M (*Có mặt*) - Nhân viên, Ngân hàng thương mại cổ phần A,

Địa chỉ: Số A đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Lục Văn H (*Vắng mặt*) và bà Phạm Thị K (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Ngày 04/8/2017, ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K ký hợp đồng tín dụng số DAL.CN.834.020817 và khế ước nhận nợ số DAL.CN.834.020817 với Ngân hàng thương mại cổ phần A, với các nội dung thỏa thuận cụ thể: Số tiền vay là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 04/8/2018, lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm trong 03 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông H và bà K đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203 và số 206 tờ bản đồ số 47 địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: DAL.BĐCN.386.020817 được công chứng tại Văn phòng công chứng V số 7040, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/8/2017 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Khi đến hạn trả nợ (ngày 04/8/2018), ông H và bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại cổ phần A chuyển toàn bộ số nợ của ông H, bà K sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/8/2018.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K phải thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2021) đối với hợp đồng tín dụng số DAL.CN.834.020817 và khế ước nhận nợ số DAL.CN.834.020817 ngày 04/8/2017 với tổng số tiền là: 366.410.953 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 6.482.192 đồng (Sáu triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín hai đồng), nợ lãi quá hạn là 108.131.507 đồng (Một trăm lẻ tám triệu một trăm ba một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng) và phạt chậm trả lãi là 1.797.254 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng). Ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 13/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo các hợp đồng mà các bên đã ký kết. Trường hợp ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu được xử lý đối với các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K phải chịu các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.

2. Đối với bị đơn ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K: Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K nhưng ông H, bà K đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: 366.410.953 đồng, trong đó: nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 6.482.192 đồng, nợ lãi quá hạn là 108.131.507 đồng và phạt chậm trả lãi là 1.797.254 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H, bà K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp ông H, bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất số 203 và số 206, tờ bản đồ số 47 địa chỉ tại thôn 8, xã Đắk N'Drót, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 061051 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/10/2016 đứng tên ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí dân sự: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Kết quả xác minh tại Công an xã Đ thể hiện: Ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K hiện vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; tuy nhiên ông H và bà K không có mặt tại địa phương mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới; Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil đã làm thủ tục thông báo nhấn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo thời gian làm việc đối với ông H, bà K trên Báo công lý các số 20, 21, 22 ra các ngày 09, 12, 16/3/2021; trên Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng lúc 17h50-18h00 các ngày 10, 11, 12/02/2021 nhưng ông H, bà K đều vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về hợp đồng tín dụng:

[4]Theo hợp đồng tín dụng số DAL.CN.834.020817 và khế ước nhận nợ số DAL.CN.834.020817 ngày 04/8/2017 giữa ông Lục Văn H, bà Phạm Thị K và Ngân hàng TMCP A thể hiện: Số tiền vay là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 04/8/2018, lãi suất cho vay là 10%/năm trong 03 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/ lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]Ngày 04/8/2018, khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông H, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 3 của hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông H, bà K phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc là: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

[6]Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông H, bà K theo hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là ngày 12/5/2021, cụ thể: Lãi trong hạn 6.482.192 đồng, lãi quá hạn là 108.131.507 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.797.254 đồng. Ông H, bà K phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 13/5/2021 cho đến khi trả xong nợ.

2.2. Đối với tài sản thế chấp:

[7]Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay, ông H và bà K đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203 và số 206 tờ bản đồ số 47 tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: DAL.BĐCN.386.020817 được công chứng tại Văn phòng công chứng V số 7040, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/8/2017 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Như vậy, hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[8]Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2021 xác định các thửa đất số 203 và số 206, thuộc tờ bản đồ số 47 địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

[9]3. Đối với ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) và đã được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có thông tin, không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10]4. Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

5. Về các chi phí tố tụng khác:

[11]5.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[12]5.2. Về chi phí xác minh, đăng tin: Nguyên đơn phải chịu số tiền 5.000.000 đồng chi phí xác minh, đăng tin theo Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

[13]Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (nguyên đơn) đối với ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K (bị đơn) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/5/2021) là: 366.410.953 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 6.482.192 đồng (Sáu triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín hai đồng), nợ lãi quá hạn là 108.131.507 đồng (Một trăm lẻ tám triệu một trăm ba một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng) và phạt chậm trả lãi là 1.797.254 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2021), ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của

Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 203 và số 206, tờ bản đồ số 47, địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 061051 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/10/2016, đứng tên ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K phải nộp số tiền 18.320.547 đồng (Mười tám triệu, ba trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 8.496.000 đồng (Tám triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0003636 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lục Văn H và bà Phạm Thị K có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về chi phí đăng tin: Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí đăng tin và được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng chi phí đăng tin đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng